

120(T)/2024 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN TỈNH TRÀ VINH – TUYẾN VẬN TẢI VEN BIỂN – Khu vực nhận chìm chất nạo vét

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam, thông báo số 226-227/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN300026 (Phiên bản 1, cập nhật Ngày 19 tháng 9 năm 2024)

Chèn	giới hạn khu vực nhận chìm chất nạo vét, nét đứt, nổi:		
		(1) 9°26'06.27"N	106°39'32.88"E
		(2) 9°25'47.06"N	106°39'54.91"E
		(3) 9°25'25.18"N	106°39'35.57"E
		(4) 9°25'44.39"N	106°39'13.53"E

Chú giải: Khu vực nhận chìm chất

nạo vét  , trong: (1) – (4) như trên

Chèn	giới hạn khu vực nhận chìm chất nạo vét, nét đứt, nổi:		
		(5) 9°27'18.29"N	106°39'14.90"E
		(6) 9°26'14.21"N	106°40'29.09"E
		(7) 9°27'27.87"N	106°41'33.63"E
		(8) 9°28'31.96"N	106°40'19.45"E

Chú giải: Khu vực nhận chìm chất

nạo vét  , trong: (5) – (8) như trên

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo Hệ tọa độ WGS 84)

120(T)/2024 – VIET NAM – TRA VINH SEA PORT WATER – VIET NAM COASTAL ROUTE – Spoil ground area

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety, Notice No.226-227/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN300026 (Edition No. 1, updated on September 19th, 2024)

Insert	limit of spoil ground, pecked line, joining:		
		(1) 9°26'06.27"N	106°39'32.88"E
		(2) 9°25'47.06"N	106°39'54.91"E
		(3) 9°25'25.18"N	106°39'35.57"E
		(4) 9°25'44.39"N	106°39'13.53"E

Legend: spoil ground area  , in: (1) – (4) như trên

Insert limit of spoil ground, pecked line,
 joining:

(5) 9°27'18.29"N 106°39'14.90"E

(6) 9°26'14.21"N 106°40'29.09"E

(7) 9°27'27.87"N 106°41'33.63"E

(8) 9°28'31.96"N 106°40'19.45"E

Legend: *spoil ground area* , in:

(5) – (8) như trên

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
